

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2021/HS-ST
Ngày 17 tháng 12 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quốc Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 145/2021/TLST-HS, ngày 03 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2021/QĐXXST-HS, ngày 29 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Cao Văn H, sinh năm 1995 tại L, A. Nơi đăng ký thường trú: 169/44/1 khóm Tây K 3, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh A; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cao Ngọc T và bà Nguyễn Thị Cẩm X; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 09 tháng 12 năm 2016, bị Tòa án nhân dân thành phố L ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, đến ngày 08 tháng 02 năm 2018 chấp hành xong quyết định; Ngày 16 tháng 8 năm 2019, bị Tòa án nhân dân thành phố L ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, đến ngày 25 tháng 9 năm 2020 chấp hành xong quyết định; Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ, đi học hết lớp 6 nghỉ học. Ngày 03 tháng 12 năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, đến ngày 23 tháng 01 năm 2016 chấp hành xong bản án. Ngày 26 tháng 3 năm 2021, bị Tòa án nhân dân thành

phố L ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 16 tháng, ngày 24 tháng 6 năm 2021 Tòa án nhân dân thành phố L ra Quyết định huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính chuyển Cơ quan Điều tra truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30 tháng 3 năm 2021 đến nay tại nhà tạm giữ Công an thành phố L. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 tại thành phố H. Nơi đăng ký thường trú: 129F/121/4C Bến Vân Đ , phường 8, Quận 4, thành phố H; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tất Đức T (chết); Con bà Nguyễn Thị S (chết); Bị cáo chung sống như vợ chồng với Mai T, có 4 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ, đi học hết lớp 3 nghỉ học; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29 tháng 6 năm 2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1999. Địa chỉ: 27/14 khóm Thới An, phường Mỹ T, thành phố L, tỉnh A. Vắng mặt.

2. Anh Lê Văn Đ1, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp Tây H, xã Bình T, huyện Thoại S, tỉnh A. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Minh T1 (Nguyễn Thanh D), sinh ngày 18/8/2003. Địa chỉ: 29/28, khóm Trung A, phường Mỹ T1, thành phố L, tỉnh A. Vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Minh T1 (Nguyễn Thanh D): Bà Phan Thị Liên, sinh năm 1975. Địa chỉ: 29/28, khóm Trung A, phường Mỹ T1, thành phố L, tỉnh A. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn Chí H1, sinh năm 1992. Địa chỉ: 706, tổ 36, khóm Bình K 4, phường Bình K, thành phố L, tỉnh A. Chỗ ở hiện tại: 67 Dương Bạch M, phường Mỹ P, thành phố L, tỉnh A. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn T2 , sinh năm 1996. Địa chỉ: 666A/34, tổ 34, khóm Bình K 4, phường Bình K, thành phố L, tỉnh A. Vắng mặt.

6. Anh Lê Văn C, sinh năm 1990. Địa chỉ: 511, ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đ. Chỗ ở hiện tại: 67 Dương Bạch M, phường Mỹ P, thành phố L, tỉnh A. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1981. Địa chỉ: 925 Võ Thị S, khóm Đông T, phường Đông X, thành phố L, tỉnh A. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2020, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh A phối hợp với Công an thành phố L kiểm tra hành chính nhà trọ Tiến P tọa lạc tại số 67, đường Dương Bạch M, khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ P, thành phố L. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện như sau:

Trong phòng trọ ở tầng trệt, nơi ở của Nguyễn Văn Chí H1, Nguyễn Văn T2 có nhiều công cụ dùng để sử dụng chất ma túy và 01 gói nilon chứa tinh thể rắn màu trắng giấu trong ống kim loại khung giường.

Trong phòng số 201 có 01 gói nilon rãnh kẹp viền đỏ chứa chất màu đỏ (ký hiệu gói 1) để trong bóp da màu nâu; 01 gói nilon có rãnh kẹp đường viền màu xanh chứa chất rắn màu vàng và màu đỏ (ký hiệu gói 2); 01 gói nilon màu cam có rãnh kẹp chứa chất bột màu trắng (ký hiệu gói 3) để trong bóp màu xanh bên trong bóp da màu đen có dây đeo, chất bột màu trắng để trên gói nilon màu trắng (ký hiệu gói 4) để trên giường; 01 gói nilon có rãnh kẹp đường viền màu đỏ chứa tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu gói 5) để trong bóp da màu vàng; 01 bình hút ma túy đá của H. Tại thời điểm kiểm tra trong phòng có: Cao Văn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Minh T1 (Nguyễn Thanh D) và Lê Văn Đ1.

** Vật chứng và tài sản thu giữ gồm,*

Thu tại phòng trọ tầng trệt:

- 01 gói nilon chứa tinh thể rắn màu trắng.
- 03 ống thủy tinh màu trắng, 01 đoạn ống nhựa, 01 kéo kim loại, 03 bật lửa bằng nhựa, 02 chai gas màu đen, 01 bình nhựa có nắp màu đỏ gắn 01 ống nhựa và 01 ống thủy tinh,
- 01 điện thoại màu đen hiệu Masstel và 01 điện thoại màu trắng vàng.

Thu tại phòng 201:

- 01 gói nilon có rãnh kẹp chứa chất màu đỏ (Gói niêm phong 1).
- 01 gói nilon có rãnh kẹp viền xanh chứa chất màu vàng và đỏ (Gói niêm phong 2).
- 01 gói nilon màu cam chứa chất bột màu trắng (Gói niêm phong 3).
- 01 gói nilon quấn băng keo chứa chất bột màu trắng (Gói niêm phong 4).
- 01 gói nilon có rãnh kẹp viền đỏ chứa tinh thể trắng (Gói niêm phong 5).
- 01 điện thoại di động hiệu HTC màu trắng của Lê Văn Đ1.
- 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen của Cao Văn H.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng của Nguyễn Thị L .
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của Nguyễn Thị Ngọc D.
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của Nguyễn Minh T1 (Nguyễn Thanh D).
- 01 bình hút tự chế bằng nhựa có gắn ống thủy tinh đầu tròn và đoạn ống hút bằng nhựa màu trắng.

* Kết luận Giám định số: 31/KLGD-PC09(MT), ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A, xác định:

- 01 (một) hộp niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường Mỹ P và các chữ ký ghi tên: Trần Trung H, Huỳnh Trung T, Nguyễn Tấn P, Nguyễn Văn Chí H1, Nguyễn Văn T2 (thu tại phòng trọ tầng trệt), bên trong có 01 gói nilon chứa tinh thể màu trắng gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1396gam (Mẫu M1).

- 05 (năm) hộp giấy (ký hiệu từ gói 1 đến gói 5) được niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường Mỹ P và các chữ ký ghi tên: Trần Trung H, Huỳnh Trung T, Nguyễn Tấn P, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị L, Cao Văn H, Nguyễn Thanh D và dấu vân tay màu đỏ ghi tên Lê Văn Đ1, bên trong có:

+ Gói 1: 01 (một) gói nilon có rãnh kẹp viền đỏ chứa tinh thể màu đỏ là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1459gam (Mẫu M2).

+ Gói 2: 01 (một) gói nilon có rãnh kẹp viền xanh chứa chất bột màu vàng-đỏ là ma túy, loại MDMA, có khối lượng 0,3233gam (Mẫu M3).

+ Gói 3: 01 (một) gói nilon màu cam có rãnh kẹp chứa tinh thể màu trắng là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng 0,2558gam (Mẫu M4).

+ Gói 4: 01 (một) gói nilon có rãnh kẹp quần băng keo trong suốt chứa chất bột màu trắng là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng 0,0018gam (Mẫu M5).

+ Gói 5: 01 (một) gói nilon có rãnh kẹp viền đỏ chứa tinh thể màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,6697gam (Mẫu M6).

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, Cao Văn H bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L bắt tạm giam để điều tra, Nguyễn Thị L được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Cáo trạng số: 136/CT-VKS, ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố Cao Văn H về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Thị L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Cao Văn H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Cao Văn H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt. Hình phạt chung bị cáo H phải chấp

hành từ 09 năm đến 10 năm tù. Áp dụng Điều 116 Luật xử lý vi phạm hành chính khấu trừ cho bị cáo H 04 ngày bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ ngày 26/3/2021 đến ngày 29/3/2021 (tương đương 3 ngày tù).

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

* Tịch thu sung ngân sách công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu HTC màu trắng của Đ1 dùng liên lạc với H để sử dụng ma túy.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen của H dùng mua ma túy và rủ Đ1 sử dụng ma túy;

* Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) hộp được niêm phong (Vụ số: 31/KLGT-PC09(MT) ngày 22 tháng 02 năm 2021) có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L, tỉnh A và các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng K, Lê Hoàng T. Bên trong có mẫu ma túy còn lại sau giám định;

+ Hộp số 01 đến 05: được niêm phong (Vụ số: 31/KLGT-PC09(MT) ngày 22 tháng 02 năm 2021) có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L, tỉnh A và các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng K, Lê Hoàng T. Bên trong có các mẫu ma túy còn lại sau giám định;

+ 03 (ba) ống thủy tinh màu trắng; 01 (một) đoạn ống nhựa; 01 (một) kéo kim loại; 03 (ba) bật lửa bằng nhựa; 02 (hai) chai gas màu đen; 01 (một) bình nhựa có nắp màu đỏ gắn 01 ống nhựa và 01 ống thủy tinh; 01 (một) bình hút tự chế bằng nhựa có gắn ống thủy tinh đầu tròn và đoạn ống hút bằng nhựa màu trắng; 01 (một) bóp da màu nâu; 01 (một) bóp da màu đen có dây kéo; 01 (một) bóp da màu vàng có dây kéo; 01 bóp da màu xanh.

* Các tài sản không liên quan đến việc phạm tội, đề nghị trả cho chủ sở hữu:

+ Trả cho anh T2 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu Masstel; 01 (một) điện thoại di động màu trắng vàng;

+ Trả cho bị cáo L 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng;

+ Trả cho chị D 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, loại màn hình cảm ứng;

+ Trả cho anh T1 (D) 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Cao Văn H và Nguyễn Thị L khai nhận: H và L là bạn nghiện ma túy. Ngày 31 tháng 12 năm 2020, L từ thành phố H đến thành phố L, khi đi có mang theo 01 gói nilon chứa ma túy MDMA màu đỏ vàng, 01 gói

nilon chứa Ketamine, 01 gói nilon chứa ma túy đá màu đỏ để sử dụng. Trên đường đi L gọi điện cho H thuê phòng trọ cho L nghỉ. Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 31 tháng 12 năm 2020, L đến phòng số 201 nhà trọ Tiến P do H thuê để nghỉ. Lúc này, H mang bình hút chứa ma túy đá từ phòng số 202 của H sang phòng 201 để cùng L sử dụng hết số ma túy này. Sau đó, L lấy một phần Ketamine tự sử dụng. Do H không sử dụng Ketamine nên H rủ L góp 250.000 đồng với H để mua ma túy sử dụng thì L đồng ý. H gọi cho T (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) qua ứng dụng Messenger mua 600.000 đồng ma túy đá thì Tuấn hẹn giao tại khu vực cầu Trà Ô, phường Bình K, thành phố L. H mua gói ma túy đá này đem về phòng 201 rồi điện thoại cho Lê Văn Đ1 và bảo Đ rủ thêm Nguyễn Minh T1 (Nguyễn Thanh D) cùng đến phòng 201 để sử dụng ma túy nhưng không nói cho L biết việc rủ thêm những người này. H, L sử dụng ma túy đá khoảng 10 phút thì Nguyễn Thị Ngọc D (bạn gái của H) đến nên H cho D cùng sử dụng ma túy. Khoảng 30 phút sau thì Đ1 và T1 đến sử dụng ma túy. Tại phòng 201, H, L, D, Đ và T1 (D) cùng sử dụng ma túy do H cung cấp đến 19 giờ 30 phút cùng ngày thì nghỉ. Lúc này, L cho H 01 gói nilon chứa ma túy đá màu đỏ nên H để vào bóp da màu nâu, 02 gói ma túy đá trong bóp da màu nâu và bóp da màu vàng là của H. Trong đó, gói ma túy trong bóp da màu vàng (gói 5) là do H và L góp tiền mua. Số ma túy còn lại thu được tại phòng 201 là của L.

Các bị cáo thống nhất Kết luận Giám định số: 31/KLGD-PC09(MT), ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A xác định. Thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, thống nhất ý kiến phát biểu luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, không có ý kiến tranh luận, không bào chữa. Các bị cáo ăn năn về hành vi vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

** Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra;*

Các anh Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn Chí H1 khai: T2 và H1 làm thuê tại nhà trọ Tiến P. Khoảng 16 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2020, T2 dọn vệ sinh phòng 301 thấy có các công cụ dùng để sử dụng chất ma túy nên thu dọn đem về phòng trọ T2 và H1 ở tầng trệt cất giữ để trả cho khách. H1 và T2 không biết gói nilon chứa tinh thể rắn màu trắng trong ống kim loại khung giường là của ai.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D, anh Lê Văn Đ1, anh Nguyễn Minh T1 (Nguyễn Thanh D) trình bày phù hợp với lời khai của các bị cáo H, L như nội dung vụ án đã nêu.

Bà Phan Thị L trình bày: Bà là mẹ ruột của Nguyễn Minh T1 (Nguyễn Thanh D), bà sinh T1 vào ngày 18 tháng 8 năm 2003, Bệnh viện có cấp giấy chứng sinh nhưng bà chưa đăng ký khai sinh cho T1 thì nhà bị hỏa hoạn nên giấy chứng sinh bị cháy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng quy định pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiêu nại, không có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, riêng anh P, anh C và anh H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình điều tra đã thu thập lời khai của người liên quan nên sự vắng mặt của người liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án. Xét thấy, người liên quan đã cung cấp lời khai phù hợp nội dung vụ án và các vật chứng thu được, nên sự vắng mặt của những người này tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp Biên bản Kiểm tra ngày 31/12/2020 của Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội về việc kiểm tra Nhà trọ Tiến P; phù hợp Kết luận Giám định số: 31/KLGD-PC09(MT), ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A kết luận giám định về ma túy; phù hợp lời trình bày của người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Từ đó, đủ căn cứ xác định bị cáo H cất giấu 0,8156gam Methamphetamine để sử dụng và thực hiện hành vi cung cấp dụng cụ, chất ma túy cho Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Minh T1 (Nguyễn Thanh D) và Lê Văn Đ1 cùng sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó T1 chưa đủ 18 tuổi. Bị cáo L cất giấu 0,8156gam Methamphetamine, 0,3233gam MDMA và 0,2576gam Ketamine để sử dụng.

Các bị cáo đã trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo H cất giấu trái phép 0,8156gam Methamphetamine để sử dụng và cung cấp dụng cụ, chất ma túy cho Đ1, D và T1 (D) cùng sử dụng; Bị cáo L cất giấu trái phép 0,8156gam Methamphetamine, 0,3233gam MDMA và 0,2576gam Ketamine để sử dụng cùng với lỗi cố ý, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, nên bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Bị cáo L đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy, các bị cáo có sức khỏe, đủ nhận thức, làm chủ được hành vi của bản thân. Biết rõ ma túy là chất gây nghiện nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trí lực, thể lực của người sử dụng, là nguyên nhân gây ra những tác hại về sức khỏe, tổn thương não dẫn đến rối loạn hành vi. Trong gia đình, người nghiện ma túy dần sống xa lánh người thân, suy nghĩ ích kỷ, sống khép kín dẫn đến thiếu trách nhiệm với gia đình. Mặt khác, nghiện ma túy đá cũng là một trong những nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội, tội phạm khác. Nhưng vì thích sống buông thả, thỏa mãn nhu cầu cá nhân, không kiềm chế, kiểm soát bản thân nên các bị cáo bất chấp quy định pháp luật, giấu ma túy để sử dụng. Các bị cáo biết cất giấu ma túy để sử dụng là trái phép, vi phạm pháp luật, hành vi của các bị cáo không chỉ gây hậu quả xấu cho chính các bị cáo, gia đình mà còn nguy hiểm cho xã hội, tác động tiêu cực đến người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm về ma túy, trật tự, an toàn xã hội. Trong vụ án này, ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, bị cáo H còn tổ chức để những người khác cùng sử dụng ma túy là liều lĩnh, bất chấp quy định pháp luật, ảnh hưởng đến trật tự quản lý trị an tại địa phương. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo tuân thủ pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, có xem xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo H mặc dù không có tiền án, nhưng ngày 03 tháng 12 năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, có 2 tiền sự về áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chứng tỏ bị cáo H có nhân thân xấu.

Ngày 26/3/2021 bị cáo H bị Tòa án nhân dân thành phố L ban hành Quyết định số: 37/2021/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 16 tháng. Tuy nhiên, ngày 24/6/2021 Tòa án nhân dân thành phố L ban hành Quyết định số: 03/QĐ-TA, hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính nêu trên. Bị cáo H bị bắt tạm giam từ ngày 30 tháng 3 năm 2021 đến nay. Căn cứ khoản 2 Điều 116 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Hội đồng xét xử trừ thời gian bị cáo H bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc vào thời gian chấp hành hình phạt tù là 04 ngày (1,5 ngày chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được tính bằng 01 ngày chấp hành hình phạt tù). Theo đó, ngày 26/3/2021 bị cáo H bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính với thời gian 16 tháng, ngày 30/3/2021 bị cáo bị bắt tạm giam. Do đó, thời gian bị cáo H đã chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở

cai nghiện bắt buộc được trừ vào thời gian vào thời gian chấp hành hình phạt tù là 03 ngày như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về vai trò đồng phạm: Trong vụ án này bị cáo H và bị cáo L là đồng phạm, bị truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, đồng phạm có tính chất giản đơn, cùng thực hiện tội phạm tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Bị cáo H gợi ý, rủ bị cáo L hùn tiền mua ma túy sử dụng, bị cáo H cũng là người liên lạc, trực tiếp giao tiền, nhận ma túy với người bán ma túy. Do đó Hội đồng xét xử cân nhắc, đánh giá tính chất, hành vi của từng bị cáo khi áp dụng hình phạt.

[6] Đối với lời khai của bị cáo H cho rằng mua ma túy của T. Xét thấy, ngoài lời khai của bị cáo H, không còn chứng nào khác nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định là phù hợp.

[7] Đối với số ma túy có khối lượng 0,1396gam Methamphetamine thu giữ tại phòng trọ tầng trệt ở nhà trọ Tiến P chưa xác định được bị can nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L Quyết định tách hành vi cất giữ trái phép chất ma túy để tiếp tục giải quyết theo quy định pháp luật là phù hợp.

[8] Đối với Nguyễn Văn Chí H1, Nguyễn Văn T2, Lê Văn Đ1, Nguyễn Minh T1 (Nguyễn Thanh D), Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L có văn bản đề nghị xử lý hành chính là phù hợp quy định pháp luật.

[9] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L có thu giữ đồ vật, tài liệu theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, được xử lý như sau:

*** Đối với:**

+ 01 (một) hộp được niêm phong ghi vụ số: 31/KLGT-PC09(MT) ngày 22/02/2021 có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L, tỉnh A và các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng K, Lê Hoàng T. Bên trong có mẫu ma túy còn lại sau giám định.

+ Hộp số 01 đến 05 được niêm phong ghi vụ số: 31/KLGT-PC09(MT) ngày 22/02/2021 có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L, tỉnh A và các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng K, Lê Hoàng T. Bên trong có các mẫu ma túy còn lại sau giám định.

+ 03 (ba) ống thủy tinh màu trắng, 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng, 01 (một) kéo kim loại màu trắng, 03 (ba) quẹt gas bằng nhựa đã bị hỏng, 02 (hai) chai gas màu đen thu trên giường massage.

+ 01 (một) chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp có gắn 01 đoạn ống hút nhựa và 01 đoạn ống thủy tinh.

+ 01 (một) chai nhựa trong suốt có nắp màu trắng, trên nắp có gắn 01 đoạn ống thủy tinh và 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng.

- + 01 (một) bóp da màu nâu.
- + 01 (một) bóp da màu đen có dây kéo.
- + 01 (một) bóp da nhỏ màu xanh.
- + 01 (một) bóp da màu vàng có dây kéo.

Xét thấy, đây là chất ma túy thuộc loại vật cấm tàng trữ, lưu hành và dụng cụ để cất giấu, sử dụng ma túy không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

*** Đối với:**

- + 01 (một) điện thoại hiệu HTC màu trắng thu giữ của Đ1 .
- + 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen thu giữ của H.

Xét thấy, Đ1 dùng điện thoại liên lạc với H trong việc sử dụng ma túy và bị cáo H sử dụng điện thoại để liên hệ mua ma túy sử dụng là có liên quan đến tội phạm, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

*** Đối với:**

- + 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu Masstel loại bấm phím. Model A131. Số IMEI1: 352367054879124, IMEI2: 352367054879132 thu giữ của Nguyễn Văn T2.
- + 01 (một) điện thoại hiệu Iphone màu trắng vàng. Model: A1453 số IMEI: 352004068894324 thu giữ của Nguyễn Văn T2 .
- + 01 (một) điện thoại hiệu SAMSUNG màu trắng thu giữ của bị cáo L .
- + 01 (một) điện thoại hiệu NOKIA màu đen màn hình cảm ứng. Model: TA-1188. Số IMEI1: 354216103754424, IMEI2: 354216103754432 thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc D.
- + 01 (một) điện thoại hiệu NOKIA màu đen loại bấm phím. Model: TA-1010. Số IMEI: 357341081450584 thu giữ của Nguyễn Minh T1 (Nguyễn Thanh D).

Xét thấy, đây là tài sản của bị cáo L và tài sản của những người liên quan, không liên quan đến tội phạm, nên trả lại cho bị cáo và người liên quan theo điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Các bị cáo Cao Văn H và Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Cao Văn H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào: Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 (đối với bị cáo Cao Văn H); điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (đối với bị cáo Nguyễn Thị L).

Điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên xử:

[1]. Xử phạt:

[1.1]. Bị cáo Cao Văn H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt chung bị cáo Cao Văn H phải chấp hành là 09 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30 tháng 3 năm 2021, khấu trừ thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính là 03 ngày.

[1.2]. Bị cáo Nguyễn Thị L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2]. Về xử lý vật chứng: Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

[2.1]. Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) hộp được niêm phong ghi vụ số: 31/KLGT-PC09(MT) ngày 22/02/2021 có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L, tỉnh A và các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng K, Lê Hoàng T. Bên trong có mẫu ma túy còn lại sau giám định.

+ Hộp số 01 đến 05 được niêm phong ghi vụ số: 31/KLGT-PC09(MT) ngày 22/02/2021 có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L, tỉnh A và các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng K, Lê Hoàng T. Bên trong có các mẫu ma túy còn lại sau giám định.

+ 03 (ba) ống thủy tinh màu trắng, 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng, 01 (một) kéo kim loại màu trắng, 03 (ba) quẹt gas bằng nhựa đã bị hỏng, 02 (hai) chai gas màu đen thu trên giường massage.

+ 01 (một) chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp có gắn 01 đoạn ống hút nhựa và 01 đoạn ống thủy tinh.

+ 01 (một) chai nhựa trong suốt có nắp màu trắng, trên nắp có gắn 01 đoạn ống thủy tinh và 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng.

+ 01 (một) bóp da màu nâu; 01 (một) bóp da màu đen có dây kéo; 01 (một) bóp da nhỏ màu xanh; 01 (một) bóp da màu vàng có dây kéo.

[2.2]. *Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước*: 01 (một) điện thoại hiệu HTC màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen.

[2.3]. Trả lại cho anh Nguyễn Văn T2 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu Masstel loại bấm phím. Model A131. Số IMEI1: 352367054879124, IMEI2: 352367054879132; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone màu trắng vàng. Model: A1453 số IMEI: 352004068894324.

Trả lại cho bị cáo L 01 (một) điện thoại hiệu SAMSUNG màu trắng.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc D 01 (một) điện thoại hiệu NOKIA màu đen màn hình cảm ứng. Model: TA-1188. Số IMEI1: 354216103754424, IMEI2: 354216103754432.

Trả lại cho anh Nguyễn Minh T1 (Nguyễn Thanh D) 01 (một) điện thoại hiệu NOKIA màu đen loại bấm phím. Model: TA-1010. Số IMEI: 357341081450584.

[3]. Về án phí: Bị cáo Cao Văn H và bị cáo Nguyễn Thị L mỗi người phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; 7b Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh A;
- VKS ND tỉnh A;
- VKS ND Tp. L;
- Sở Tư pháp tỉnh A;
- Nhà Tạm giữ CA.TP L;
- Cơ quan THA.HS công an TP L;
- CQĐT Công an Tp. L;
- Chi cục THA DS TP L;
- Bị cáo;
- Người liên quan;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoa

- Bộ phận THA. Tòa án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;